

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 97 /UBND-NL

Định Quán, ngày 19 tháng 01 năm 2017

V/v triển khai Quyết định số 4668/QĐ-UBND
ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Văn hóa và Thông tin.

Ngày 30/12/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4668/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Định Quán. Để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn huyện đạt hiệu quả, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và UBND các xã, thị trấn Định Quán căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn (Văn bản được đăng trên website: <http://dinhquan.dongnai.gov.vn>, mục: Văn bản quy phạm pháp luật).

2. Giao phòng Văn hóa và Thông tin đăng lên trang Thông tin Điện tử của huyện để truy cập.

Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, phòng Tài nguyên và Môi trường kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND huyện để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND;
- Các cơ quan: phòng Kinh tế và Hạ tầng; phòng NN&PTNT; Ban Quản lý dự án; Trung tâm phát triển quy hoạch và kiến trúc; Chi nhánh Định Quán; phòng Giáo dục và Đào tạo; phòng Nội vụ; Công an huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện (để biết);
- UBND các xã, thị trấn Định Quán (phối hợp);
- Chánh, Phó Văn phòng TH;
- Lưu: VT, NL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Tài

Số: 4668 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2016

Nhà 16.1.2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017
huyện Định Quán

VP. HĐND-UBND H. ĐỊNH QUÁN	
CÔNG	Số:.....24.....
ĐẾN	Ngày: 17 / 01 / 2017
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện Định Quán, Tờ trình số 1540/TTr-STNMT ngày 29/12/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Định Quán với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Số lượng dự án, công trình thực hiện trong năm 2017

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích (ha)
1	Đất trồng cây lâu năm	1	5,61
2	Đất quốc phòng	2	22,00
3	Đất an ninh	3	5,42
4	Đất cụm công nghiệp	2	50,52
5	Đất thương mại, dịch vụ	3	21,27
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	6	7,20
7	Đất phát triển hạ tầng	52	264,90
	<i>Trong đó</i>		

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích (ha)
	- Đất cơ sở văn hoá	4	2,65
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	22	15,35
	- Đất bưu chính viễn thông	1	0,03
	- Đất công trình năng lượng	3	1,32
	- Đất giao thông	8	196,09
	- Đất thủy lợi	9	46,57
	- Đất chợ	5	2,89
8	Đất ở tại nông thôn	18	6,55
9	Đất ở tại đô thị	8	9,89
10	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	2	51,20
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	9	1,82
12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,06
13	Đất cơ sở tôn giáo	6	4,88
14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	3	9,20
15	Đất sinh hoạt cộng đồng	51	5,06
16	Đất có mặt nước chuyên dùng	1	150
	Tổng số:	168	615,58

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục; vị trí cụ thể các công trình được thể hiện trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Định Quán được UBND huyện ký xác nhận ngày 27 tháng 12 năm 2016)

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 của hộ gia đình, cá nhân

Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 của hộ gia đình, cá nhân là 371,00 ha, cụ thể:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn là 21 ha trong đó chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở tại nông thôn là 3 ha;

- Chuyển mục đích từ các loại đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác (trong vùng khuyến khích chăn nuôi) là 185 ha, trong đó chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 15 ha;

- Chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp (trường hợp không phải xin phép) là 140 ha.;

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 10 ha;

- Chuyển từ đất trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản là 1 ha;

- Chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản là 1 ha;

- Chuyển từ đất trồng rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm là 10 ha;

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân là 3 ha, trong đó đất trồng lúa chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 0,5 ha.

3. Số lượng dự án cần thu hồi đất năm 2017

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất quốc phòng	2	22,00	22,00
2	Đất an ninh	2	1,36	1,36
3	Đất cụm công nghiệp	1	50,00	50,00
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1	0,01	0,01
5	Đất phát triển hạ tầng	42	260,44	141,21
	<i>Trong đó:</i>			
	- Đất cơ sở văn hoá	3	1,64	1,11
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	18	13,35	9,43
	- Đất giao thông	8	196,09	81,72
	- Đất thủy lợi	8	46,47	46,47
	- Đất công trình năng lượng	3	1,32	1,28
	- Đất chợ	2	1,57	1,20
6	Đất ở tại nông thôn	16	5,95	5,95
7	Đất ở tại đô thị	7	9,88	9,88
8	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	9	1,82	1,82
9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,06	0,06
10	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1	46,00	46,00
11	Đất cơ sở tôn giáo	4	2,61	2,61
12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	3	9,20	9,20
13	Đất sinh hoạt cộng đồng	50	5,01	4,43
14	Đất có mặt nước chuyên dùng	1	150,00	150,00
	Tổng	140	564,34	444,54

4. Số lượng dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2017

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)	Trong đó :		
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1	2,64	0,03	-	-
2	Đất cụm công nghiệp	1	50,00	0,51	-	-

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)	Trong đó :		
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
3	Đất phát triển hạ tầng	13	233,89	15,68	0,11	-
	Trong đó:					
	- Đất cơ sở văn hoá	1	1,01	0,81	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	3	2,50	1,16	-	-
	- Đất giao thông	5	192,79	1,87	0,07	-
	- Đất công trình năng lượng	1	0,44	0,08	-	-
	- Đất thủy lợi	3	37,15	11,76	0,04	-
4	Đất ở tại đô thị	1	9,75	4,35	-	-
5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2	0,40	0,26	-	-
6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1	46,00	0,26	20,43	-
7	Đất sinh hoạt cộng đồng	2	0,16	0,16	-	-
8	Đất mặt nước chuyên dùng	1	150,00	21,72	-	6,01
	Tổng	22	492,84	42,97	20,54	6,01

5. Chỉ tiêu các loại đất năm 2017

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	74.789,37
1.1	Đất trồng lúa	4.177,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.322,49
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.467,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	31.960,70
1.4	Đất rừng phòng hộ	15.315,81
1.5	Đất rừng sản xuất	18.110,21
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	550,42
1.7	Đất nông nghiệp khác	207,20
2	Đất phi nông nghiệp	22.341,54
2.1	Đất quốc phòng	26,59
2.2	Đất an ninh	8,57
2.3	Đất khu công nghiệp	56,76
2.4	Đất cụm công nghiệp	94,97
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	44,07
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	69,84
2.7	Đất phát triển hạ tầng	1.645,60

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất cơ sở văn hoá	15,34
	- Đất cơ sở y tế	7,01
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	87,30
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	14,23
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	4,24
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	0,05
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	9,43
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.115,27
2.12	Đất ở tại đô thị	108,93
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	15,84
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	4,32
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	63,75
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	71,06
2.17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	49,32
2.18	Đất sinh hoạt cộng đồng	7,78
2.19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	4,08
2.20	Đất cơ sở tín ngưỡng	4,38
2.21	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.194,19
2.22	Đất có mặt nước chuyên dùng	17.742,51
3	Đất chưa sử dụng	4,50
4	Đất đô thị*	999,12

6. Kế hoạch thu hồi đất năm 2017

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	378,07
1.1	Đất trồng lúa	21,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	18,78
	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	2,68
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	10,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	228,94
1.4	Đất rừng phòng hộ	36,52
1.5	Đất rừng sản xuất	78,35
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	2,12
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,11
2	Đất phi nông nghiệp	66,47
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	0,26

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,77
2.3	Đất phát triển hạ tầng	23,78
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất cơ sở văn hoá	0,09
	- Đất cơ sở y tế	0,03
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1,32
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	1,03
	- Đất giao thông	3,08
	- Đất thủy lợi	18,01
	- Đất chợ	0,22
2.4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,06
2.5	Đất ở tại nông thôn	24,59
2.6	Đất ở tại đô thị	0,63
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,47
2.8	Đất cơ sở tôn giáo	2,48
2.9	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	4,73
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,06
2.11	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,04
2.13	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	6,47
2.14	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,13

7. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	420,63
1.1	Đất trồng lúa	25,86
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	21,05
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	20,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	256,83
1.4	Đất rừng phòng hộ	36,52
1.5	Đất rừng sản xuất	78,35
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	2,30
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,11
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	21,00
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	10,00
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	1,00
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	10,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	0,22

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, UBND huyện Định Quán thực hiện:

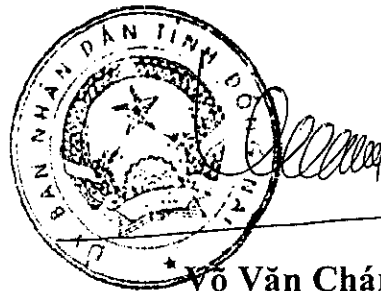
1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
2. Thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người dân hiểu rõ các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích
4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai nhằm đảm bảo việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông và Vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Phòng cháy chữa cháy, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền Thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Định Quán; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tỉnh ủy (b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Hội đồng nhân dân huyện Định Quán;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



*** Võ Văn Chánh**



Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Kèm theo Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
	A. Các dự án chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2016		
	1. Đất an ninh		
1	Trụ sở Công an thị trấn Định Quán	TT.Định Quán	0,14
2	Nhà tạm giữ công an huyện	TT.Định Quán	4,06
3	Trạm CSGT Quốc lộ 20 (mở rộng)	Túc Trung	1,22
	2. Đất thương mại dịch vụ		
4	Khu nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Phú Cường	Phú Cường	19,20
5	Điểm du lịch nghỉ dưỡng Tân Nhật Quang	Phú Vinh	1,92
	3. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
6	Khu khai thác đá xây dựng Mai Phong	Gia Canh	5,20
7	Điểm giết mổ tập trung tại Ngọc Định	Ngọc Định	0,70
8	Cơ sở sơ chế ca cao	Phú Hòa	2,34
	4. Đất phát triển hạ tầng		
	4.1. Đất cơ sở văn hóa		
9	Trung tâm VH-TT, học tập cộng đồng xã Phú Lợi	Phú Lợi	1,01
10	Nhà văn hóa dân tộc Chơ Ro	Túc Trung	0,51
	4.2. Đất cơ sở giáo dục đào tạo		
11	Trường TH Kim Đồng	Gia Canh	1,25
12	Trường TH Trần Quốc Tuấn (mở rộng)	Gia Canh	0,85
13	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (mở rộng)	La Ngà	0,62
14	Trường TH Phú Ngọc B (mở rộng)	Phú Ngọc	1,30
15	Trường MN Phú Hoa (ấp 3)	Phú Lợi	1,10
16	Trường MN Hoa Phượng	Phú Ngọc	0,55
17	Trường MN Hoa Mai (ấp Đức Thắng 2)	Túc Trung	0,51
	4.3. Đất giao thông		
18	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	Phú Túc	1,00
19	Tỉnh lộ 763 (mở rộng)	Phú Túc, Suối Nho	27,61
20	Đường Suối Rắc	Túc Trung	11,23
21	Đường vào khu dân cư ấp 3 (đường và khu tái định cư xã Phú Lợi)	Phú Lợi	2,10
	4.4. Đất thủy lợi		

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
22	Hệ thống cấp nước sinh hoạt	Suối Nho	0,10
23	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	Ngọc Định	0,68
24	Trạm bơm Ba Giọt và hệ thống kênh tưới	Phú Vinh	0,65
25	Hệ thống cấp nước tập trung Nam Thị trấn Định Quán	TT.Định Quán	0,10
	4.5. Đất bưu chính viễn thông		
26	Mở rộng trạm viễn thông	Túc Trung	0,03
	4.6. Đất chợ		
27	Chợ 105 Phú Ngọc	Phú Ngọc	0,50
28	Chợ Phú Túc	Phú Túc	0,34
29	Chợ Suối Nho	Suối Nho	0,48
30	Chợ Túc Trung	Túc Trung	1,00
	4.7. Đất năng lượng		
31	Đường dây điện 500kV Vĩnh Tân - rẽ nhánh Sông Máy - Tân Uyên	Phú Túc, Suối Nho	0,44
	5. Đất ở		
32	Khu tái định cư 3	TT.Định Quán	9,75
	6. Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
33	Trụ sở công an xã	Gia Canh	0,20
34	Trụ sở công an xã	Phú Tân	0,20
35	Trụ sở công an xã	Phú Vinh	0,20
36	Trụ sở công an xã	Phú Hòa	0,20
37	Trụ sở công an xã	Phú Túc	0,20
38	Trụ sở công an xã	Túc Trung	0,20
39	Trạm kiểm lâm Cao Cang	TT.Định Quán	0,06
	7. Đất cơ sở tôn giáo		
40	Phước Nghiêm Bửu Tự	La Ngà	1,28
41	Chùa Tịnh Quang	Ngọc Định	0,40
42	Chùa Pháp Độ	Phú Túc	0,76
43	Chùa Từ Thiện (mở rộng)	Túc Trung	0,17
44	Chùa Trúc Lâm	Phú Cường	1,25
45	Giáo xứ Phú Đồng	Phú Cường	1,02
	8. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa		
46	Nghĩa trang La Ngà	La Ngà	2,80
47	Nghĩa trang xã Phú Ngọc	Phú Ngọc	4,00
48	Nghĩa trang Thanh Sơn	Thanh Sơn	2,40
	9. Đất sinh hoạt công đồng		
49	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Gia Canh	0,05
50	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 4	Gia Canh	0,07
51	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao 2/97	La Ngà	0,12

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
52	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	La Ngà	0,35
53	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Mít Nài	La Ngà	0,21
54	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Quý 1	La Ngà	0,25
55	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Quý 2	La Ngà	0,05
56	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Hòa Thuận	Ngọc Định	0,18
57	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Bến Nôm 1	Phú Cường	0,05
58	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Bến Nôm 2	Phú Cường	0,07
59	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Tam Bung	Phú Cường	0,07
60	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 4	Phú Hòa	0,05
61	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Phú Hòa	0,05
62	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Phú Lợi	0,22
63	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 6	Phú Lợi	0,11
64	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 6	Phú Ngọc	0,08
65	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 1	Phú Tân	0,19
66	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 6	Phú Tân	0,05
67	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 7	Phú Tân	0,07
68	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Phú Tân	0,03
69	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 3	Phú Tân	0,04
70	Nhà văn hóa ấp 4	Phú Tân	0,03
71	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Phú Tân	0,03
72	Nhà văn hóa ấp Chợ	Phú Túc	0,04
73	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Sơn	Phú Túc	0,04
74	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao Tam Bung	Phú Túc	0,05
75	Nhà văn hóa ấp Thái Hòa 1	Phú Túc	0,03
76	Nhà văn hóa ấp Thái Hòa 2	Phú Túc	0,03
77	Nhà văn hóa ấp 3	Phú Vinh	0,11
78	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Suối Nho	0,08
79	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Chợ	Suối Nho	0,05
80	Nhà văn hóa ấp 2	Suối Nho	0,03
81	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 4	Suối Nho	0,04
82	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 94	Túc Trưng	0,50
83	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Đồn Điền 3	Túc Trưng	0,13
84	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Đồng Xoài	Túc Trưng	0,07
85	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Đức Thắng 2	Túc Trưng	0,12
86	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Hòa Bình	Túc Trưng	0,10
87	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Dzui	Túc Trưng	0,16
88	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Đồn Điền 1	Túc Trưng	0,03
89	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Đức Thắng 1	Túc Trưng	0,04
90	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Gia Canh	0,10

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
91	Nhà văn hóa ấp 2	Phú Vinh	0,11
92	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 1	Phú Vinh	0,18
93	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 2	Phú Vinh	0,04
94	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Ba Tầng	Phú Vinh	0,20
	10. Các dự án đầu giá		
95	Lô đất Kiốt chợ Cầu Trắng(khu phố Hiệp Đồng)	TT.Định Quán	0,01
96	Khu đất ấp Mít Nài, xã La Ngà	La Ngà	0,01
97	Khu đất làm trường mẫu giáo tại ấp 1	La Ngà	0,02
98	Khu đất ấp Vĩnh An, xã La Ngà	La Ngà	0,02
99	Khu đất ấp 3, xã La Ngà	La Ngà	0,02
100	Khu đất phân hiệu y tế tại ấp 5	La Ngà	0,05
101	Khu đất ấp 5, xã La Ngà	La Ngà	0,01
102	Khu đất rừng tràm do hội người cao tuổi sử dụng (ấp 10)	Gia Canh	0,40
103	Khu ao cá Ấp 3	Gia Canh	0,30
104	Khu đất tại ấp 5 (đối diện văn phòng ấp 5)	Gia Canh	0,36
105	Khu đất thu hồi của ông Phan Văn Tân	Phú Lợi	0,20
106	Thu hồi đất của ông Trần Văn Chi	TT.Định Quán	0,02
107	Thu hồi đất của ông Phạm Văn Hiếu	TT.Định Quán	0,02
108	Thu hồi đất của ông Trần Quang Thái	TT.Định Quán	0,02
109	Khu đất ấp 4 (đối diện nghĩa địa Cao Lập Thắng)	Gia Canh	0,07
110	Khu đất ông Bính và ông Minh thuê	Gia Canh	0,40
111	Khu đất vườn tại ấp 1 (đất ông Bích thuê)	Phú Hòa	0,04
112	Khu đất tại ấp 3	Phú Vinh	0,04
113	Khu đất HTX (cũ)(Khu phố 114)	TT.Định Quán	0,02
114	Khu đất sản xuất kinh doanh	Phú Tân	0,31
	11. Dự án chuyển mục đích		
115	Chuyển mục đích sử dụng đất công trình trạm trộn bê tông nhựa nóng trong cụm công nghiệp Phú Vinh	Phú Vinh	0,52
	B. Các dự án bổ sung mới		
	1. Đất quốc phòng		
116	Thao trường huấn luyện cho lực lượng vũ trang	Phú Tân	18,00
117	Trụ sở Ban Chi huy Quân sự huyện Định Quán	Phú Vinh	4,00
	2. Đất cụm công nghiệp		
118	Cụm CN Phú Túc	Phú Túc	50,00
	3. Đất thương mại dịch vụ		
119	Trạm xăng dầu (tại khu vực Lâm trường 2)	Thanh Sơn	0,15
	4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
120	Làng nghề mây tre đan Gia Canh	Gia Canh	2,64
121	Cơ sở sản xuất phân vi sinh	Phú Ngọc	1,20
	5. Đất phát triển hạ tầng		

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
	5.1. Đất cơ sở văn hóa		
122	Nhà cộng đồng dân tộc Mường	Phú Túc	0,16
123	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	0,97
	5.2. Đất cơ sở Giáo dục đào tạo		
124	Phân mở trường THCS Lý Thường Kiệt	Phú Vinh	0,13
125	Phân hiệu trường TH Trần Quốc Tuấn	Gia Canh	0,09
126	Trường TH La Ngà	La Ngà	1,10
127	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	Phú Hòa	0,80
128	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm (mở rộng)	Phú Tân	0,60
129	Trường TH Phú Tân (điểm áp 1)	Phú Tân	0,75
130	Trường TH Võ Thị Sáu điểm áp 5 (mở rộng)	Suối Nho	1,17
131	Trường MN Bé Ngoan điểm áp Mít Nài (mở rộng)	La Ngà	0,37
132	Trường MN Ngọc Lan (mở rộng trụ sở chính)	Ngọc Định	0,52
133	Trường MN Ngọc Lan (ấp Hòa Thành) mở rộng	Ngọc Định	0,38
134	Trường MN Phú Hòa áp 3	Phú Hòa	0,40
135	Trường MN Hoa Cúc	Phú Tân	0,42
136	Trường MN Phú Vinh	Phú Vinh	0,60
137	Trường MN Tuổi Thơ điểm chính	Thanh Sơn	0,57
138	Trường MN Thanh Sơn (mở rộng điểm chính)	Thanh Sơn	1,27
	5.3. Đất giao thông		
139	Đường Xuân Bắc -Thanh Sơn	Suối Nho, Ngọc Định, Phú Ngọc, Thanh Sơn	130,16
140	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	TT.Định Quán	0,40
141	Đường 107 - Tư Sở	Thanh Sơn	23,39
142	Cầu Suối Cạn	Thanh Sơn	0,20
	5.4. Đất thủy lợi		
143	Trạm bơm áp 7 và kênh tưới Phú Tân	Phú Tân	2,02
144	Kênh tiêu thoát nước cánh đồng Bàu Kiên	Thanh Sơn	25,00
145	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	11,50
146	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Phú Lợi	0,12
147	Trạm bơm áp 1 Thanh Sơn và hệ thống kênh	Thanh Sơn	6,40
	5.5. Đất công trình năng lượng		
148	Trạm BA 110 kV Định Quán 2 và đường dây đầu nối	La Ngà	0,68
149	Đường dây 110 kV Vĩnh An - Định Quán 2	La Ngà, Túc Trung, Phú Cường	0,20
	5.6. Đất chợ		

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
150	Chợ Phú Hòa (mở rộng)	Phú Hòa	0,57
	6. Đất ở		
151	Đường và khu tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi	Phú Lợi	3,62
152	Khu tái định cư chợ Suối Nho	Suối Nho	0,24
	7. Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
153	Trụ sở công an xã	Ngọc Định	0,20
154	Trụ sở công an xã	Phú Lợi	0,20
155	Trụ sở công an xã	Thanh Sơn	0,22
	8. Đất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
156	Mỏ đá xây dựng Gia Canh	Gia Canh	46,00
	9. Đất sinh hoạt công đồng		
157	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Ngọc Định	0,03
158	Nhà văn hóa ấp Hòa Thành	Ngọc Định	0,10
159	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Phú Lợi	0,08
160	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 3	Phú Lợi	0,10
161	Nhà văn hóa ấp 1	Phú Ngọc	0,05
	10. Đất mặt nước chuyên dùng		
162	Hồ chứa nước Cà Ròn	Gia Canh	150,00
	11. Các dự án đấu giá		
163	Khu đất đường đi giáp cây xăng 114 (cũ) KP Hiệp Tâm 2	TT.Định Quán	0,02
164	Khu đất thu hồi của ông Hai Văn TTĐQ	TT.Định Quán	0,03
165	Khu đất sau trung tâm thương mại - chợ La Ngà	La Ngà	0,04
166	32 lô đất khu tái định cư ấp 3	La Ngà	0,63
167	Lô đất giáp khu đất làm đường tại ấp Bến Nôm 1	Phú Cường	0,10
168	Đấu giá khu đất công trồng cao su tại xã Túc Trung	Túc Trung	5,61
	C. Kế hoạch chuyển mục đích năm 2017		
1	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm của các xã	Các xã, thị trấn	21,00
	<i>Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm</i>	Các xã, thị trấn	3,00
2	Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác (trong vùng khuyến khích chăn nuôi của các xã) cho toàn huyện	Các xã, thị trấn	185,00
	<i>Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (trong vùng khuyến khích chăn nuôi của các xã)</i>	Các xã, thị trấn	15,00
3	Chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp (trường hợp không phải xin phép)	Các xã, thị trấn	140,00
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm các xã	Các xã, thị trấn	10,00
5	Chuyển từ đất trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản	Các xã, thị trấn	1,00
6	Chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản	Các xã, thị trấn	1,00

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
7	Chuyển từ đất trồng rừng sản xuất sang các loại đất nông nghiệp khác	Các xã, thị trấn	10,00
8	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân	Các xã, thị trấn	3,00
	<i>Trong đó: Chuyển từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân</i>	Các xã, thị trấn	0,50